

## TỜ TRÌNH

**Về việc dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh hỗ trợ  
phương tiện tránh thai và chi phí dịch vụ kế hoạch hóa gia đình  
đối với phụ nữ sinh đủ 02 con trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

Căn cứ Quyết định số 221/QĐ-HĐND ngày 12/02/2026 của Thường trực HĐND tỉnh ban hành danh mục Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Lạng Sơn quy định chi tiết các luật, nghị quyết được Quốc hội khóa XV thông qua tại kỳ họp thứ 10;

Thực hiện văn bản số 1239/VP-NC ngày 14/02/2026 của Văn phòng UBND tỉnh về việc xây dựng Nghị quyết quy định chi tiết các Luật, Nghị quyết được Quốc hội khóa XV thông qua tại kỳ họp thứ 10; Công văn số 3058/VP-KGVX ngày 17/4/2026 của Văn phòng UBND tỉnh Lạng Sơn về việc giao tham mưu xây dựng dự thảo các Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định chi tiết Luật Dân số.

Sở Y tế đã chủ trì, phối hợp với các cơ quan triển khai các bước xây dựng dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định hỗ trợ phương tiện tránh thai và chi phí dịch vụ kế hoạch hóa gia đình đối với phụ nữ sinh đủ 02 con trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn. Nội dung cụ thể như sau:

### I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN

#### 1. Cơ sở chính trị, pháp lý

- Căn cứ Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới;

- Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025;

- Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025;

- Căn cứ Khoản 3 Điều 1 Luật số 87/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

- Căn cứ Khoản 3 Điều 22 Luật Dân số số 113/2025/QH15 ngày 10 tháng

12 năm 2025;

- Căn cứ Nghị quyết số 137/NQ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ Ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XII về công tác dân số trong tình hình mới;

- Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

- Căn cứ Quyết định số 1679/QĐ-TTg ngày 22/11/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030;

- Căn cứ Quyết định số 221/QĐ-HĐND ngày 12/02/2026 của Thường trực HĐND tỉnh ban hành danh mục Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Lạng Sơn quy định chi tiết các luật, nghị quyết được Quốc hội khóa XV thông qua tại kỳ họp thứ 10.

## **2. Cơ sở thực tiễn**

Lạng Sơn là tỉnh miền núi, biên giới phía Đông Bắc của Tổ quốc, có đặc thù dân cư với tỷ lệ đồng bào dân tộc thiểu số chiếm đa số, đời sống kinh tế của người dân còn gặp nhiều khó khăn với tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo còn ở mức cao. Lạng Sơn vẫn thuộc nhóm địa phương có mức sinh cao của cả nước. Theo số liệu của Thống kê tỉnh, tỷ lệ tăng dân số tự nhiên năm 2025 là 3,65‰; tổng tỷ suất sinh đạt 2,45 con/phụ nữ, cao hơn đáng kể so với mức sinh thay thế (2,1 con/phụ nữ)<sup>1</sup>. Tỷ lệ sinh con thứ ba trở lên là 16,8%, ở mức cao, cho thấy nhu cầu tiếp tục tăng cường công tác dân số và kế hoạch hóa gia đình trên địa bàn tỉnh.

Mặt khác, theo số liệu của Thống kê tỉnh, dân số trong độ tuổi lao động (từ 15 đến 59 tuổi) chiếm khoảng 60,38% tổng dân số, trong khi tỷ lệ người từ 65 tuổi trở lên chiếm khoảng 7,78%. Điều này khẳng định tỉnh Lạng Sơn vẫn đang trong thời kỳ dân số vàng, sở hữu nguồn nhân lực tương đối dồi dào và chưa đối mặt với nguy cơ già hóa dân số trong ngắn hạn (10 năm). Vì vậy, việc tập trung nguồn lực nhằm giảm mức sinh từ 2,45 con/phụ nữ xuống mức sinh thay thế (2,1 con/phụ nữ) là hoàn toàn phù hợp với đặc điểm dân số hiện nay của tỉnh, góp phần ổn định quy mô dân số, nâng cao chất lượng dân số và bảo đảm phát triển kinh tế - xã hội bền vững trong dài hạn.

Giai đoạn 2021-2025 là thời kỳ chuyển tiếp đầy khó khăn khi Chương

<sup>1</sup> Nghị quyết số 21-NQ/TW của Trung ương.

trình Mục tiêu Y tế - Dân số chính thức kết thúc, nguồn cung cấp phương tiện tránh thai miễn phí từ Trung ương bị cắt giảm và kênh cung cấp có trợ giá thuộc Đề án 818 cũng đã dừng hoạt động từ tháng 5 năm 2025. Thực tế này buộc người dân hiện nay phải tự chi trả 100% chi phí theo giá thị trường thương mại, tạo ra rào cản tài chính quá lớn khiến tỷ lệ sử dụng biện pháp tránh thai hiện đại có nguy cơ sụt giảm sâu. Đồng thời, mạng lưới y tế cơ sở hiện nay rơi vào tình trạng thiếu hụt thuốc, vật tư và kinh phí để thực hiện các thủ thuật kế hoạch hóa gia đình cho người dân.

Bên cạnh đó, quy mô phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ (từ 15 đến 49 tuổi) trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn hiện vẫn chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu dân số địa phương. Theo số liệu của Thống kê tỉnh, tính đến năm 2025, tổng số phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ của toàn tỉnh đạt 98.600 người, chiếm 12,02% tổng dân số toàn tỉnh (trên quy mô dân số trung bình của địa phương là 820.632 người). Với quy mô đối tượng lớn như trên, nếu không có các giải pháp phù hợp nhằm nâng cao khả năng tiếp cận phương tiện tránh thai và dịch vụ kế hoạch hóa gia đình, việc duy trì mức sinh hợp lý, kiểm soát tỷ lệ sinh con thứ ba trở lên (hiện đang ở mức cao 16,8%) và chủ động thích ứng với những thay đổi về cơ cấu dân số trên địa bàn tỉnh sẽ gặp nhiều khó khăn, thách thức. Do đó, việc ban hành chính sách hỗ trợ phương tiện tránh thai và chi phí dịch vụ kế hoạch hóa gia đình là cần thiết nhằm cụ thể hóa quy định tại Khoản 3 Điều 22 Luật Dân số về trách nhiệm của chính quyền địa phương trong công tác dân số. Nghị quyết sử dụng nguồn ngân sách địa phương để hỗ trợ phụ nữ đã sinh đủ 02 con sẽ tạo cơ sở pháp lý cho việc triển khai các giải pháp duy trì mức sinh hợp lý, góp phần ổn định quy mô dân số, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân và bảo đảm an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh.

## **II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT**

### **1. Mục đích ban hành Nghị quyết**

Việc ban hành Nghị quyết nhằm kịp thời cụ thể hóa hành lang pháp lý của Luật Dân số, xác định rõ thẩm quyền và trách nhiệm của chính quyền địa phương trong việc chủ động sử dụng nguồn lực ngân sách tỉnh để thực hiện các mục tiêu chiến lược về dân số và phát triển. Về mặt thực tiễn, văn bản được ban hành nhằm mục đích thiết lập cơ chế hỗ trợ tài chính toàn diện, tháo gỡ triệt để rào cản chi phí thị trường, giúp phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ đã sinh đủ hai con được tiếp cận liên tục, kịp thời các phương tiện tránh thai lâm sàng, phi lâm sàng và dịch vụ kế hoạch hóa gia đình an toàn tại tuyến y tế cơ sở.

Thông qua chính sách này, tỉnh Lạng Sơn hướng tới mục đích kiểm soát hiệu quả quy mô dân số, đẩy lùi các tư tưởng và hủ tục lạc hậu về quy mô gia đình đông con, từ đó kéo giảm tỷ lệ sinh con thứ ba trở lên và đưa tổng tỷ suất sinh từ mức đỉnh 2,45 con/phụ nữ hiện nay tiến dần về mức sinh thay thế bền vững. Mục tiêu lâu dài và xuyên suốt của Nghị quyết là bảo vệ sức khỏe sinh sản, nâng cao vị thế của phụ nữ dân tộc thiểu số, đồng thời giảm bớt gánh nặng kinh tế cho các hộ gia đình, bảo vệ vững chắc thành quả giảm nghèo, làm giảm

áp lực quá tải hạ tầng an sinh xã hội, y tế, giáo dục, làm cơ sở nâng cao toàn diện chất lượng nguồn nhân lực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội bền vững của tỉnh.

## **2. Quan điểm xây dựng Nghị quyết**

Quy trình xây dựng và ban hành Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định chính sách hỗ trợ kinh phí mua phương tiện tránh thai và chi phí dịch vụ kế hoạch hóa gia đình đối với phụ nữ sinh đủ 02 con trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn phù hợp quy định của pháp luật hiện hành, phù hợp với tình hình thực tế và ngân sách của tỉnh, mang tính khả thi, đảm bảo trình tự, thủ tục theo quy định.

## **III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT**

Thực hiện văn bản số 1239/VP-NC ngày 14/02/2026 của Văn phòng UBND tỉnh về việc xây dựng Nghị quyết quy định chi tiết các Luật, Nghị quyết được Quốc hội khóa XV thông qua tại kỳ họp thứ 10; Công văn số 3058/VP-KGVX ngày 17/4/2026 của Văn phòng UBND tỉnh Lạng Sơn về việc giao tham mưu xây dựng dự thảo các Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định chi tiết Luật Dân số. Sở Y tế (*cơ quan chủ trì soạn thảo*) đã phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện như sau:

(1) Phối hợp với UBND các xã/phường rà soát, đánh giá việc kết quả thực hiện các dịch vụ kế hoạch hóa gia đình trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

(2) Ban hành Báo cáo số 290/BC-SYT ngày 25/5/2026 của Sở Y tế Tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện các dịch vụ kế hoạch hóa gia đình trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

(3) Trên cơ sở Quyết định của HĐND tỉnh, Sở Y tế xây dựng hồ sơ dự thảo Nghị quyết xin ý kiến tham gia góp ý của các Sở ngành, Ủy ban MTTQ tỉnh, các đơn vị và UBND xã/phường; đồng thời đăng tải hồ sơ dự thảo Nghị quyết trên Cổng thông tin điện tử tỉnh lấy ý kiến của các cơ quan, đơn vị và người dân.

(4) Tổng hợp, tiếp thu chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện hồ sơ dự thảo Nghị quyết.

(5) Gửi Sở Tư pháp thẩm định hồ sơ dự thảo Nghị quyết.

(6) Tiếp thu ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp, hoàn thiện hồ sơ dự thảo Nghị quyết báo cáo UBND tỉnh xem xét trình HĐND tỉnh.

## **IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN**

### **1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

#### **1.1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này quy định hỗ trợ phương tiện tránh thai và chi phí dịch vụ kế hoạch hóa gia đình đối với phụ nữ sinh đủ 02 con trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn theo quy định tại khoản 3 Điều 22 Luật Dân số số 113/2025/QH15.

#### **1.2. Đối tượng áp dụng**

a) Phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ (từ đủ 18 tuổi đến hết 49 tuổi) đã sinh đủ 02 con, có nơi thường trú hoặc nơi tạm trú trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn, có nhu cầu sử dụng các biện pháp tránh thai và dịch vụ kế hoạch hóa gia đình.

b) Các cơ quan, tổ chức, cơ sở y tế công lập và cá nhân có liên quan đến việc quản lý, chi trả và thực hiện chính sách hỗ trợ theo quy định tại Nghị quyết này.

## **2. Bộ cục của dự thảo văn bản**

Dự thảo Nghị quyết gồm 06 điều, cụ thể như sau:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Điều 2: Nguyên tắc áp dụng.

Điều 3. Nội dung và mức hỗ trợ Mức hỗ trợ

Điều 4. Nguồn kinh phí

Nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp quản lý hiện hành và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

Điều 6. Điều khoản thi hành

*(Có dự thảo Nghị quyết kèm theo)*

## **3. Nội dung cơ bản**

Dự thảo Nghị quyết quy định Quy định hỗ trợ phương tiện tránh thai và chi phí dịch vụ kế hoạch hóa gia đình đối với phụ nữ sinh đủ 02 con trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn, gồm 06 điều, cụ thể như sau:

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng** *(đã nêu tại Mục IV)*

**Điều 2. Nguyên tắc áp dụng**

1. Việc hỗ trợ phải bảo đảm công khai, minh bạch, đúng đối tượng và định mức quy định.

2. Quy trình hỗ trợ được thực hiện lồng ghép trực tiếp khi đối tượng sử dụng dịch vụ tại các cơ sở y tế công lập trên địa bàn tỉnh.

3. Trường hợp đối tượng thụ hưởng thuộc diện được hỗ trợ cùng một nội dung từ nhiều chính sách, chương trình, dự án khác nhau thì chỉ được hưởng một mức hỗ trợ cao nhất.

**Điều 3. Nội dung và mức hỗ trợ**

1. Hỗ trợ phương tiện tránh thai: Đối tượng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này được cấp phát miễn phí các loại phương tiện tránh thai lâm sàng và phi lâm sàng (trừ bao cao su), bao gồm thuốc uống, thuốc tiêm, thuốc cấy tránh thai và dụng cụ tử cung do ngân sách tỉnh chi trả thông qua cơ chế đầu thầu của ngành Y tế.

2. Hỗ trợ chi phí dịch vụ kế hoạch hóa gia đình: hỗ trợ 100% chi phí thực hiện các dịch vụ kỹ thuật lâm sàng kế hoạch hóa gia đình tại các cơ sở y tế công lập theo mức giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh hiện hành do cơ quan có thẩm quyền quy định, bao gồm: Thủ thuật đặt và tháo dụng cụ tử cung; thủ thuật cấy và tháo thuốc cấy tránh thai; tiêm thuốc tránh thai.

#### **Điều 4. Nguồn kinh phí**

1. Do ngân sách nhà nước bảo đảm theo phân cấp quản lý ngân sách hiện hành.

2. Huy động từ nguồn tài trợ, viện trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; các nguồn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 5. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết; báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh kết quả thực hiện theo quy định.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

#### **Điều 6. Điều khoản thi hành**

*(Có dự thảo Nghị quyết kèm theo).*

### **V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHO VIỆC THI HÀNH NGHỊ QUYẾT SAU KHI ĐƯỢC THÔNG QUA**

#### **1. Dự kiến nguồn lực tài chính và cơ sở xác định kinh phí**

Tổng kinh phí dự kiến để thực hiện chính sách hỗ trợ kinh phí mua phương tiện tránh thai và chi phí thực hiện dịch vụ kỹ thuật kế hoạch hóa gia đình trên địa bàn tỉnh 3,38 tỷ đồng/năm do ngân sách nhà nước bảo đảm theo phân cấp quản lý ngân sách hiện hành.

Cơ sở thực tế và phương pháp xác định tổng nhu cầu kinh phí trên được tổng hợp, xây dựng từ nhu cầu đăng ký sử dụng biện pháp tránh thai thực tế của người dân tại các xã, phường và áp dụng hệ thống định mức chi trả theo quy định hiện hành. Hằng năm, căn cứ trên số liệu rà soát đối tượng phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ đã sinh đủ 02 con cư trú tại địa bàn, các cơ sở y tế tuyến cơ sở sẽ tổng hợp danh sách những người có nhu cầu thực tế để làm căn cứ lập dự toán.

Từ nhu cầu thực tế này, tổng kinh phí 3,38 tỷ đồng/năm được cấu thành từ hai nhóm danh mục cụ thể:

Một là kinh phí mua phương tiện tránh thai lâm sàng và phi lâm sàng (trừ bao cao su), được xác định dựa trên số lượng đăng ký nhân với đơn giá trúng thầu mua sắm theo quy định.

Hai là chi phí thực hiện các thủ thuật, dịch vụ kỹ thuật kế hoạch hóa gia đình tại cơ sở y tế công lập, được xác định dựa trên số ca thực hiện thực tế nhân với đơn giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của

Quỹ bảo hiểm y tế do Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành.

Quy trình tính toán và lập dự toán này bảo đảm bám sát thực tiễn thụ hưởng của từng địa phương, giúp công tác phân bổ ngân sách đạt tính khả thi cao và thuận lợi cho việc kiểm soát, quyết toán kinh phí sau khi triển khai.

## **2. Thời gian trình thông qua dự thảo Nghị quyết**

Trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua dự thảo Nghị quyết tại kỳ họp chuyên đề của Hội đồng nhân dân tỉnh năm 2026.

## **VI. NỘI DUNG XIN Ý KIẾN**

### **1. Tên Nghị quyết**

Căn cứ Quyết định số 221/QĐ-HĐND ngày 12/02/2026 của Thường trực HĐND tỉnh Ban hành danh mục Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Lạng Sơn quy định chi tiết các luật, nghị quyết được Quốc hội khóa XV thông qua tại kỳ họp thứ 10; Văn bản số 587/HĐND-VHXXH ngày 11/04/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc đề nghị tham mưu ban hành Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định chi tiết Luật Dân số; tên Nghị quyết được giao là: *“Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định hỗ trợ phương tiện tránh thai, chi phí dịch vụ kế hoạch hóa gia đình cho các đối tượng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội; đối tượng thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; xã thuộc khu vực biên giới đất liền trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn”*.

Theo quy định tại khoản 3 Điều 22 Luật Dân số, đối tượng được hỗ trợ bao gồm: hộ nghèo, hộ cận nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội; người thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; xã thuộc khu vực biên giới đất liền. Tuy nhiên, theo Quyết định số 104/QĐ-BD TTG của Bộ Dân tộc và Tôn giáo, tỉnh Lạng Sơn có 100% xã, phường thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Nếu áp dụng theo đúng các nhóm đối tượng này, phạm vi thụ hưởng sẽ quá rộng, vượt quá khả năng cân đối ngân sách địa phương.

Để bảo đảm tính khả thi, phù hợp khả năng cân đối ngân sách địa phương, đồng thời tập trung nguồn lực thực hiện mục tiêu giảm mức sinh, giảm tỷ lệ sinh con thứ ba trở lên và nâng cao chất lượng dân số, Sở Y tế đề xuất tên Nghị quyết để phù hợp với nội dung, cụ thể như sau: *“Nghị quyết quy định hỗ trợ phương tiện tránh thai và chi phí dịch vụ kế hoạch hóa gia đình đối với phụ nữ sinh đủ 02 con trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn”*.

Việc điều chỉnh này không làm thay đổi thẩm quyền ban hành và tính chất của chính sách, đồng thời bảo đảm thống nhất giữa tên gọi, nội dung và mục tiêu của Nghị quyết; đảm bảo bao quát các đối tượng. Nội dung trên đã được thống nhất tại cuộc họp Tổ soạn thảo theo Quyết định số 584/QĐ-SYT ngày 28/4/2026 của Giám đốc Sở Y tế và ý kiến đồng thuận của các Sở ngành liên quan; phù hợp với kết quả thẩm định của Sở Tư pháp.

### **2. Đối tượng thụ hưởng của Nghị quyết**

Ủy ban nhân dân tỉnh đề xuất lựa chọn đối tượng thụ hưởng là *“phụ nữ*



*sinh đủ 02 con"* (trong độ tuổi sinh đẻ, có nơi thường trú hoặc tạm trú trên địa bàn tỉnh). Để làm rõ cơ sở của đề xuất, UBND tỉnh báo cáo, giải trình chi tiết như sau:

### **2.1. Đề xuất nhóm đối tượng thụ hưởng**

Chính sách tập trung vào nhóm phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ đã sinh đủ 02 con nhằm kiểm soát trực tiếp nhóm nguy cơ cao phát sinh sinh con thứ ba trở lên. Từ đó, tạo đòn bẩy giảm tỷ lệ sinh con thứ ba (hiện đang ở mức 16,8% năm 2025) và đưa tổng tỷ suất sinh từ 2,45 con/phụ nữ tiến dần về mức sinh thay thế bền vững, bảo đảm tính thực tế và hiệu quả sử dụng ngân sách tỉnh.

### **2.2. Các phương án xem xét và đánh giá tác động định lượng**

Trên cơ sở số liệu thống kê năm 2025, tổng số phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ của tỉnh là khoảng 98.600 người, trong đó số người đã sinh đủ 02 con là khoảng 23.000 người và đã sinh từ 03 con trở lên là khoảng 5.700 người. Ủy ban nhân dân tỉnh đã cân nhắc, so sánh giữa 02 phương án:

#### ***- Phương án 1 (Hỗ trợ đối với phụ nữ sinh đủ 02 con trở lên):***

+ Phạm vi bao phủ toàn bộ nhóm đối tượng có khả năng phát sinh nhu cầu, ngăn ngừa mang thai ngoài ý muốn và hạn chế sinh con thứ ba ngay từ đầu. ưu điểm là phạm vi hỗ trợ bao phủ toàn bộ nhóm đối tượng có khả năng phát sinh nhu cầu sử dụng phương tiện tránh thai và dịch vụ kế hoạch hóa gia đình; góp phần giảm tình trạng mang thai ngoài ý muốn, hạn chế sinh con thứ ba trở lên, bảo đảm tính công bằng trong tiếp cận chính sách và không bỏ sót các nhóm đối tượng có nhu cầu thực tế. Đồng thời, phương án này phù hợp với yêu cầu duy trì mức sinh hợp lý, nâng cao chất lượng dân số và chủ động thích ứng với những thay đổi về cơ cấu dân số trong thời gian tới.

+ *Đánh giá tác động định lượng:* Mức giảm dự kiến đạt từ 0,30 đến 0,40 con/phụ nữ, giúp đưa tỷ suất sinh từ 2,45 con xuống còn khoảng 2,05 - 2,15 con (đạt hoặc tiệm cận ngưỡng thay thế bền vững theo Nghị quyết số 21-NQ/TW). Kinh phí thực hiện phương án khoảng 3,38 tỷ đồng/năm, phù hợp với khả năng cân đối ngân sách của địa phương.

#### ***- Phương án 2 (Chỉ hỗ trợ đối với phụ nữ đã sinh từ 03 con trở lên):***

+ Phạm vi hỗ trợ hẹp, kinh phí thấp (khoảng trên 800 triệu đồng/năm), tập trung nhóm đã lỡ sinh con thứ ba để hạn chế các lần sinh tiếp theo. Ưu điểm của phương án này là phạm vi hỗ trợ hẹp nên nhu cầu kinh phí thấp hơn, dự kiến khoảng trên 800 triệu đồng mỗi năm, đồng thời tập trung nguồn lực cho nhóm đã phát sinh sinh con thứ ba để hạn chế các lần sinh tiếp theo.

+ *Đánh giá tác động định lượng:* Phương án này hoàn toàn không tác động trong việc phòng ngừa sinh con thứ ba từ đầu, mức giảm tổng tỷ suất sinh chỉ đạt 0,05 đến 0,08 con/phụ nữ (tức là chỉ đưa tỷ suất sinh từ 2,45 con xuống khoảng 2,37 - 2,40 con), không đạt mục tiêu chiến lược của tỉnh.

### **2.3. Giải trình tính hợp pháp, hiệu quả và khả năng cân đối ngân sách**



*Về tính hợp pháp:* Quy định nhóm đối tượng này hoàn toàn nằm trong phạm vi giao quyền tại Khoản 3 Điều 22 Luật Dân số, không mở rộng đối tượng trái quy định pháp luật.

*Vì sao không chọn nhóm hộ nghèo, cận nghèo, bảo trợ xã hội:* Nhóm này phân tán rải rác và biến động cơ học liên tục hằng năm theo kết quả rà soát nghèo đa chiều, gây khó khăn lớn cho việc lập dự toán ngân sách ổn định; không tối ưu được nguồn lực để giải quyết dứt điểm mục tiêu giảm mức sinh.

*Vì sao không chọn nhóm xã khu vực biên giới đất liền:* Phương án biên giới quy mô quá hẹp, bỏ sót nhiều xã khó khăn có tỷ lệ sinh con thứ ba đang gia tăng, không giải quyết được triệt để bài toán dân số trên toàn tỉnh.

*Khả năng cân đối ngân sách thực tế:* Do nguồn ngân sách tỉnh còn hạn hẹp, việc hỗ trợ cho người chưa sinh hoặc mới sinh 01 con tại thời điểm này là chưa cần thiết. Do đó, tập trung kinh phí 3,38 tỷ đồng/năm cho phương án hỗ trợ phụ nữ sinh đủ 02 con là giải pháp bảo đảm sự cân bằng hợp lý nhất, trúng đích nguy cơ, tiết kiệm, hiệu quả, phù hợp với Lạng Sơn chưa có nguy cơ già hóa dân số trong 10 năm tới.

Từ các nội dung phân tích trên Sở Y tế xin ý kiến Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh về đối tượng của Nghị quyết là **“phụ nữ sinh đủ 02 con”** nhằm tiết kiệm ngân sách địa phương; thực hiện mục tiêu giảm mức sinh và giảm tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên của tỉnh.

Trên đây là Tờ trình quy định hỗ trợ phương tiện tránh thai và chi phí dịch vụ kế hoạch hóa gia đình đối với phụ nữ sinh đủ 02 con trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

Sở Y tế kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn xem xét./.

(*Hồ sơ trình dự thảo Nghị quyết gồm: Dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh; Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh và các tài liệu kèm theo*).

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Sở Tư pháp;
- Giám đốc Sở (b/c);
- Các Phó Giám đốc;
- Các phòng chuyên môn Sở;
- Lưu: VT, PDS(PTMK).

**KT.GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Phan Lạc Hoài Thanh**

